

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

1. Nội dung chương trình đào tạo:

1.1. Chương trình giảng dạy môn học (Thạc sĩ định hướng ứng dụng): 61 TC

- Phần kiến thức chung

+ Triết học: **04** tín chỉ

- Khối kiến thức chuyên ngành: 48 TC (21 TC bắt buộc, 27 TC tự chọn)

- Luận văn: 9 TC

TT	Mã số học phần/ môn học	Học kỳ	Tên học phần/môn học	Khối lượng (tín chỉ)		
				Tổng số	LT	TH, TN, TL
I			Khối kiến thức chung (bắt buộc) - Triết học	4	60	
II			Phần kiến thức cơ sở và ngành			
			Các học phần bắt buộc	21		
01			Introduction to TESOL	2	30	
02			<i>Advanced Teaching Methodology</i> (Giáo học pháp nâng cao)	3	30	15
03			<i>Research Writing</i> (Viết bài nghiên cứu khoa học)	3	15	30
04			<i>English Linguistics</i> (Ngôn ngữ học tiếng Anh)	3	30	15
05			<i>Second Language Acquisition</i> (Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai)	3	45	
06			<i>Research Methods 1</i> (Phương pháp nghiên cứu 1, định lượng + thống kê)	4	30	30
			Syllabus Design and Materials Development (Thiết kế đề cương và biên soạn tài liệu giảng dạy)*	3	45	

			Các học phần lựa chọn	27		
01			Practicum* (Thực tập chuyên ngành)	2	30	
02			Research Methods 2* (Phương pháp nghiên cứu 2, định tính)	3	45	
03			Proposal Writing*	2	30	
04			Technology Assisted Language Learning (Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy ngôn ngữ)	2	30	
05			Seminars on English Language Teaching Issues (Chuyên đề về giảng dạy tiếng Anh)	3	45	
06			Intercultural Communication in Language Teaching (Giao tiếp xuyên văn hóa trong giảng dạy ngôn ngữ)	3	45	
07			Language Assessment (Đánh giá ngôn ngữ)	3	45	
08			Discourse Analysis in Language Teaching (Phân tích diễn ngôn trong giảng dạy ngôn ngữ)	2	30	
09			Translation Studies (Nghiên cứu dịch thuật)	2	30	
10			Literature in Language Teaching (Văn học trong giảng dạy ngôn ngữ)	2	30	
11			Sociolinguistics in Language Teaching (Ngôn ngữ học xã hội trong giảng dạy ngôn ngữ)	2	30	
12			Language Program Administration (Quản trị chương trình ngôn ngữ)	2	30	
13			Language Awareness (Nhận thức ngôn ngữ)	2	30	
14			Techniques in TESOL (Kỹ thuật dạy tiếng)	2	30	
15			Các vấn đề về vị từ trong tiếng Việt	2	25	5
16			Ngữ pháp chức năng	2	15	15
17			Ngôn ngữ học đối chiếu	2	30	
18			Ngôn ngữ học xã hội	2	25	5
			Các môn liên thông trong khối kiến thức tự chọn (học viên có thể chọn học 2-3 TC trong số các môn sau)			

01			Xây dựng, quản lý và đánh giá chương trình học (Khoa Giáo dục học)	3	20	25
02			Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục – đào tạo (Khoa Giáo dục học)	2	17	13
03			Tâm lý học quản lý (Khoa Giáo dục học)	2	16	14
04			Quản lý chất lượng giáo dục (Khoa Giáo dục học)	3	32	13
			Luận văn		9	
			Tổng cộng:		61	

1.2. Chương trình giảng dạy môn học (Thạc sĩ định hướng nghiên cứu): 61TC

- Phần kiến thức chung

+ Triết học: **04** tín chỉ

- Khối kiến thức chuyên ngành: 42 TC (21 TC bắt buộc, 21 TC tự chọn)

- Luận văn thạc sĩ: 15 TC

Chương trình này yêu cầu học viên phải đạt **điểm trung bình từ 7.5 trở lên** đối với **6 học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở và ngành** (English linguistics, Research writing, Research methods 1, Advanced teaching methodology, Second language acquisition, Syllabus Design and Materials Development).

TT	Mã số học phần/ môn học	Học kỳ	Tên học phần/môn học	Khối lượng (tín chỉ)		
				Tổng số	LT	TH, TN, TL
I			Khối kiến thức chung (bắt buộc) - Triết học	4	60	
II			Phần kiến thức cơ sở và ngành			
			<i>Các học phần bắt buộc</i>	21		
01			Introduction to TESOL	2	30	
02			<i>Advanced Teaching Methodology (Giáo học pháp nâng cao)</i>	3	30	15
03			<i>Research Writing (Viết bài nghiên cứu khoa học)</i>	3	15	30

04			<i>English Linguistics (Ngôn ngữ học tiếng Anh)</i>	3	30	15
05			<i>Second Language Acquisition (Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai)</i>	3	45	
06			<i>Research Methods 1 (Phương pháp nghiên cứu 1, định lượng + thống kê)</i>	4	30	30
			Syllabus Design and Materials Development (Thiết kế đề cương và biên soạn tài liệu giảng dạy)*	3	45	
			Các học phần lựa chọn	21		
01			Practicum* (Thực tập chuyên ngành)	2	30	
02			Research Methods 2* (Phương pháp nghiên cứu 2, định tính)	3	45	
03			Proposal Writing*	2	30	
04			Technology Assisted Language Learning (Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy ngôn ngữ)	3	45	
05			Seminars on English Language Teaching Issues (Chuyên đề về giảng dạy tiếng Anh)	3	45	
06			Intercultural Communication in Language Teaching (Giao tiếp xuyên văn hóa trong giảng dạy ngôn ngữ)	3	45	
07			Language Assessment (Đánh giá ngôn ngữ)	3	45	
08			Discourse Analysis in Language Teaching (Phân tích diễn ngôn trong giảng dạy ngôn ngữ)	2	30	
09			Translation Studies (Nghiên cứu dịch thuật)	2	30	
10			Literature in Language Teaching (Văn học trong giảng dạy ngôn ngữ)	2	30	
11			Sociolinguistics in Language Teaching (Ngôn ngữ học xã hội trong giảng dạy ngôn ngữ)	2	30	
12			Language Program Administration (Quản trị chương trình ngôn ngữ)	2	30	
13			Language Awareness (Nhận thức ngôn ngữ)	2	30	
14			Techniques in TESOL (Kỹ thuật dạy tiếng)	2	30	
15			Các vấn đề về vị từ trong tiếng Việt	2	25	5
16			Ngữ pháp chức năng	2	15	15
17			Ngôn ngữ học đối chiếu	2	30	

18			Ngôn ngữ học xã hội	2	25	5
			Các môn liên thông trong khối kiến thức tự chọn	(học viên có thể chọn học 2-3 TC trong số các môn sau)		
01			Xây dựng, quản lý và đánh giá chương trình học (Khoa Giáo dục học)	3	20	25
02			Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục – đào tạo (Khoa Giáo dục học)	2	17	13
03			Tâm lý học quản lý (Khoa Giáo dục học)	2	16	14
04			Quản lý chất lượng giáo dục (Khoa Giáo dục học)	3	32	13
			Luận văn thạc sĩ	15		
			Tổng cộng:	61		

Lưu ý: * Môn tự chọn định hướng

Chương trình chỉnh sửa này đã được Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa Ngữ văn Anh thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2017 và được áp dụng cho Khoá 2017 trở đi (hoặc cho đến khi có phiên bản mới của CTĐT được cập nhật).

TRƯỜNG KHOA

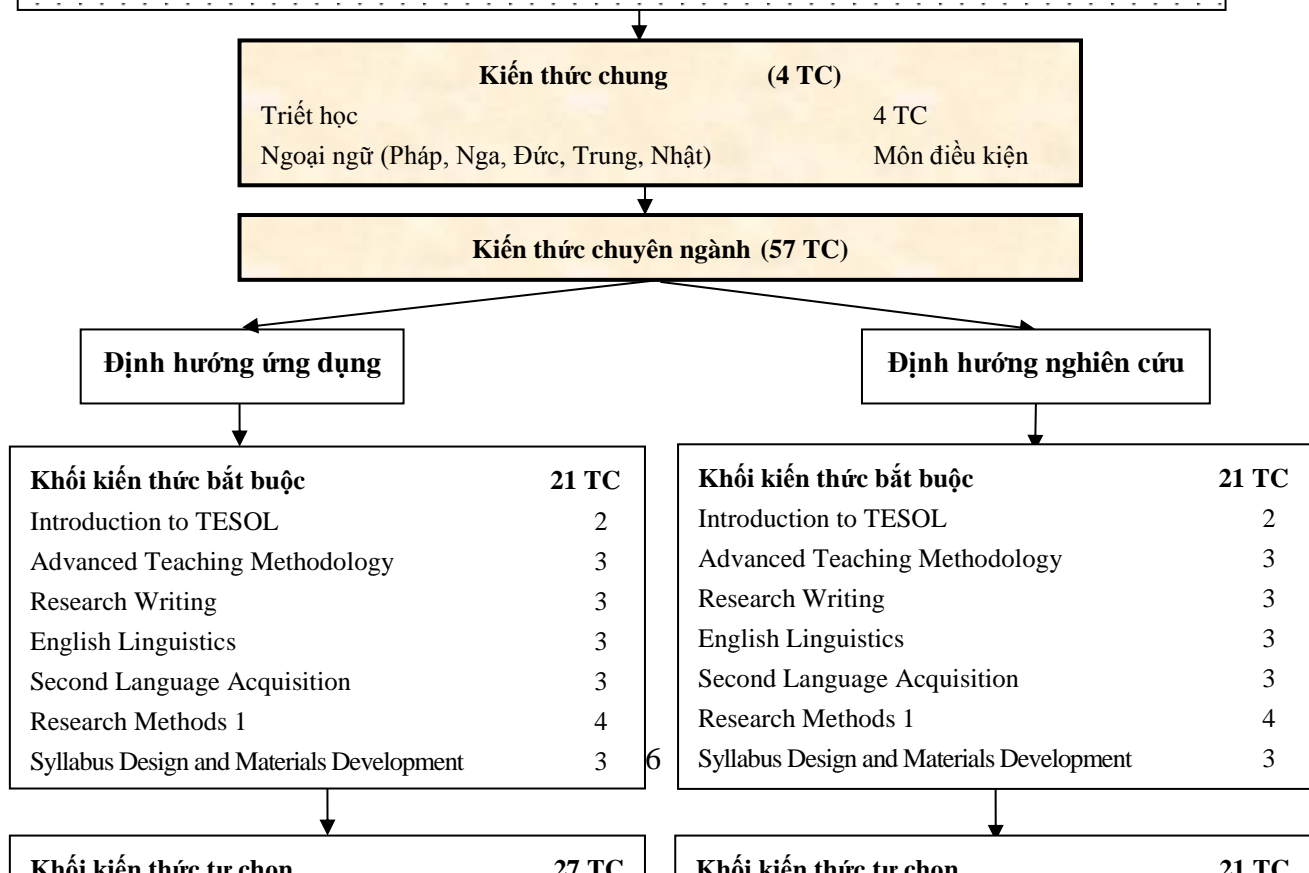
(đã kí)

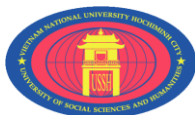
TS. LÊ HOÀNG DŨNG

**Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Khoa Ngữ văn Anh**

SƠ ĐỒ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SỸ (CẬP NHẬT 2017)

**CHUYÊN NGÀNH LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG ANH
(Số tín chỉ: 61)**





VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY-HO CHI MINH CITY
UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES
FACULTY OF ENGLISH LINGUISTICS & LITERATURE
Website: <http://nva.hcmussh.edu.vn>



HƯỚNG DẪN HỌC VIÊN CAO HỌC CHUYÊN NGÀNH LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG ANH KHÓA 2017-2019

I. THÔNG TIN LIÊN LẠC

- Văn Phòng Ban Chủ Nhiệm Khoa P. A 112 (ĐT: 028.38293828 – 136)
- Trung tâm tư liệu Anh ngữ (ERC) P. A 102 (ĐT: 028.38293828 – 138)
- Phòng Giáo vụ P. A104 (ĐT : 028.39100.470)
- Thời gian làm việc : thứ 2 → thứ 6 (Sáng: 8:00 → 11:30; Chiều: 13:30

→16:30)

LỊCH TRỰC GIÁO VỤ

Giáo vụ hệ Cao học: Cô Nguyễn Thị Hằng

- Thời gian: thứ 2 → thứ 6 (Sáng: 8:00 → 11:30; Chiều: 13:30 →16:30)
- Số điện thoại: 0974.683.598

- Địa chỉ email: giaovunva_ch@hcmussh.edu.vn

Mọi thông báo sẽ được cập nhật trên website của Khoa hoặc qua địa chỉ email cá nhân của học viên. Trường hợp có thông báo gấp, giáo vụ sẽ liên lạc trực tiếp với lớp trưởng qua điện thoại đồng thời gửi email cho lớp.

Lưu ý: Để thuận tiện cho việc cập nhật thông tin hàng ngày, Khoa sẽ cập nhật toàn bộ thông tin trên website. Vì vậy học viên cần theo dõi thông tin học vụ theo địa chỉ sau: <http://nva.hcmussh.edu.vn>.

II. CÁC VẤN ĐỀ HỌC VỤ:

1. Thời khóa biểu

- Trước khi bắt đầu mỗi học kì, giáo vụ Khoa thông báo Thời khóa biểu cho học viên qua email cá nhân và trên website của Khoa.

Các trường hợp học lại thì phải làm đơn xin học lại và gửi về phòng Giáo vụ trước khi lớp bắt đầu khai giảng.

2. Công tác thi cử

- Đối với các môn có thi cuối kỳ học viên cần theo dõi lịch thi HK do phòng giáo vụ cung cấp (xem qua email cá nhân hoặc qua website của Khoa)

- Trường hợp học viên muốn hoãn thi phải nộp đơn xin hoãn thi cho giáo vụ trước ngày thi 1 tuần (Khoa chỉ giải quyết các trường hợp có lý do chính đáng)

- Cấm thi hoặc không tính điểm cuối khóa đối với các trường hợp:

+ Nghỉ quá 20% tổng số buổi học.

+ Nợ học phí.

3. Thông báo điểm - Cấp bằng điểm

- Sau mỗi học kỳ, giáo vụ Khoa sẽ gửi bảng điểm scan qua email cá nhân của học viên.

- Học viên xin bảng điểm trực tiếp tại phòng Sau Đại học (B110).

4. Chứng nhận học viên

- Học viên liên hệ trực tiếp phòng Sau Đại học (B110) để được cấp giấy chứng nhận học viên.

- Học viên cần xác nhận TKB thì cần làm đơn kèm theo TKB gửi về Giáo vụ Khoa để được xác nhận.

5. Bảo lưu kết quả học tập

- Học viên muốn bảo lưu thì cần làm đơn xin bảo lưu nộp về Khoa trong tuần đầu tiên của môn học.

- Học viên có thể xin bảo lưu kết quả học tập trong thời gian tối đa là 12 tháng, sau khi hết hạn bảo lưu học viên sẽ liên hệ giáo vụ để làm quyết định học lại. Nếu học viên không liên hệ để nhập học thì xem như là tự ý bỏ học.

- Thời gian cho toàn khóa học là 2 năm, thời gian học tối đa cho toàn khóa là 4 năm.

6. Nộp học phí

- Học viên nộp học phí và học lại tại phòng Kế Hoạch Tài Chính (B.004).

- Nộp học phí theo thông báo của Phòng Sau Đại học, số tiền học phí căn cứ trên từng học kỳ.

- Những học viên nợ học phí hai học kỳ liên tiếp coi như tự ý bỏ học và sẽ bị xóa tên khỏi danh sách lớp.

7. Xét tốt nghiệp và cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp

- Sau khi hoàn thành khóa học, Phòng Sau Đại học sẽ xét tốt nghiệp bao gồm điểm các môn học chuyên ngành, các chứng chỉ Sau Đại học triết học, ngoại ngữ 2).

Lưu ý: Sau khi có kết quả xét tốt nghiệp, học viên có thể liên hệ Phòng Sau Đại học để được cấp chứng nhận tốt nghiệp.

III. TỔ CHỨC LỚP

- Mỗi lớp tự bầu một lớp trưởng là người nhanh nhẹn, năng động, đi học chuyên cần, có trách nhiệm với lớp để giải quyết những công việc chung của lớp.

Nhiệm vụ của lớp trưởng :

- Lớp trưởng phải thường xuyên liên lạc với Thầy /Cô phòng Giáo vụ để nắm bắt những thông tin cần thiết. Lớp trưởng có nhiệm vụ mượn máy, micro, bảng điểm thi học kỳ và thông tin cho học viên trong lớp.

- Trong trường hợp lớp nào đổi lớp trưởng thì lớp trưởng cũ phải điều hành lớp bầu lại lớp trưởng, thông báo cho Giáo vụ và bổ sung số điện thoại liên lạc để Giáo vụ liên lạc khi cần thiết.

Quy trình và hình thức kiến nghị thắc mắc:

Quy trình

+ Đối với từng cá nhân:

- Học viên trình bày và trao đổi với lớp trưởng => Lớp trưởng phản ánh lại với Giáo vụ. Tùy mức độ từng sự việc, Giáo vụ sẽ phản hồi lại cho lớp trưởng => Lớp trưởng trả lời lại cho học viên hoặc Giáo vụ sẽ trực tiếp trả lời cho học viên.

- Trường hợp cá nhân học viên có những khúc mắc và kiến nghị riêng thì có thể trực tiếp gặp Giáo vụ để được tư vấn và giải đáp riêng.

+ Đối với tập thể:

- Lớp trưởng sẽ đại diện tập thể trình bày và trao đổi với Giáo vụ, nếu những thông tin mà Giáo vụ giải quyết không thỏa mãn được tâm tư nguyện vọng hay những bức xúc của học viên và tập thể, Giáo vụ sẽ giải trình lên Ban chủ nhiệm Khoa để tìm cách giải quyết hiệu quả và hợp lý hơn.

Hình thức

+ Trực tiếp trình bày và trao đổi với Giáo vụ, BCN Khoa theo lịch trên.

+ Gọi điện thoại: 028. 39100470 ; 0974.683.598 (Cô Hằng)

+ Gửi thư về phòng Giáo vụ Khoa (P. A104) hoặc Văn phòng Ban chủ nhiệm Khoa (P.A112) – Trường ĐH KHXH&NV – Số 10 -12 Đinh Tiên Hoàng – P. Bến Nghé – Q. 1

+ Gửi mail theo địa chỉ: giaovunva_ch@hcmussh.edu.vn

*** Liên hệ các phòng ban của Trường:**

- Văn phòng Ban chủ nhiệm Khoa tại Đinh Tiên Hoàng: phòng A112 - dãy A - lầu 1- ĐT: 028.38293828 -136.

- Trung tâm Tư liệu Anh ngữ (ERC): phòng A102 - dãy A - lầu 1 - ĐT: 028.38293828 - 138.

- Phòng Giáo vụ: phòng A104 - dãy A - lầu 1 - ĐT: 028.39100470.

- Phòng Sau đại học: phòng B110 - dãy B – lầu 1 - ĐT: 028.38293828 - 121.

- Phòng Kế hoạch Tài chính: phòng B004 - dãy B - tầng trệt - ĐT: 028.38293828 - 115.

- Trung tâm Ngoại ngữ: phòng ghi danh - dãy K - tầng trệt - ĐT: 028.38293828 - 164.

